

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 12/01/2021.

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH – TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội Đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hạ Hải Hồ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Giáp Hà Tĩnh.

2. Bà Đinh Thị Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Bá Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Linh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 257/2020/TLST-HNGĐ, ngày 01/10/2020, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01/12/2020 và Thông báo thời gian mở lại phiên Tòa số: 24/2020/TB-TA, ngày 28/12/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Minh T, sinh năm 1997. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Đỗ Thành T, sinh năm 1988. Vắng mặt.

Cùng trú địa chỉ: Thôn 1, xã Đức Phú, huyện Tân Linh, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. *Nguyên đơn – chị Trần Thị Minh T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Minh T và anh Đỗ Thành T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2014, đến năm 2017 làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đức Phú, huyện Tân Linh, tỉnh Bình Thuận. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu. Sau đó bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn mà nguyên

nhân chủ yếu là do anh Tr không chăm lo làm ăn, chăm sóc vợ con, có lúc còn hành hung, đánh đập chị Tươi. Vợ chồng đã không còn quan tâm gì đến nhau. Hiện nay chị T không còn tình cảm với anh Tr và cũng không muốn đoàn tụ chung sống mà yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị Trần Thị Minh T và anh Đỗ Thành Tr có 02 người con chung tên Đỗ Hồng Ngân, sinh năm 2014 và Đỗ Thanh Trúc, sinh năm 2017. Khi ly hôn chị T yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung và yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng nuôi con cho chị T số tiền 1.500.000 đồng/tháng/người con cho đến khi hai người con chung thành niên.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2]. Bị đơn – anh Đỗ Thành Tr vắng mặt. Quá trình xác minh thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án thể hiện: bị đơn – anh Tr có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại Thôn 1, xã Đức Phú, huyện Tánh Linh; mặc dù đã được thông báo về việc Tòa án thụ lý vụ án ly hôn theo đơn khởi kiện của chị T và Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh Tr vẫn không đến Tòa án để trình bày ý kiến, cung cấp chứng cứ và tham gia tố tụng giải quyết vụ án.

[3]. Những tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

- Nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ sau: Bản sao giấy chứng nhận kết hôn, bản sao chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, bản sao giấy khai sinh con chung và bản tự khai.

- Bị đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ sau: Không.

- Chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản ghi lời khai của chị Trần Thị Minh T và biên bản xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến như sau:

- Ý kiến về việc tuân theo Pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội Đ xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn – anh Tr không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và 71 Bộ luật tố tụng dân sự

- Ý kiến đề nghị việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận cho chị Trần Thị Minh T được ly hôn với anh Đỗ Thành Trung. Về con chung: Đề nghị giao hai người con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; buộc anh Tr phải cấp dưỡng nuôi con cho chị T số tiền 1.000.000 đồng/tháng/người con cho đến khi hai con chung thành niên. Về án phí: Buộc chị T phải nộp 300.000 Đ án phí ly hôn sơ thẩm và anh Tr phải nộp 300.000 Đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn – chị Trần Thị Minh T và bị đơn – anh Đỗ Thành Tr đều vắng mặt tại phiên Tòa. Trong đó, chị T đã có đơn xin xét xử vắng mặt gửi đến Tòa án. Riêng anh Tr mặc dù đã được Tòa án triệu tập, niêm yết thủ tục tố tụng phiên Tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, không rõ lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Hội Đ xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp.

[2]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*:

Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình tố tụng, nguyên đơn – chị Trần Thị Minh T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đỗ Thành Tr và giải quyết về quyền nuôi con chung khi ly hôn, ngoài ra các đương sự đều không có yêu cầu nào khác. Do đó Hội Đ xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

Vụ án không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài, không cần phải ủy thác tư pháp; bị đơn có nơi cư trú tại: Thôn 1, xã Đức Phú, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. *Về yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn – chị Trần Thị Minh T*: Chị Trần Thị Minh T và anh Đỗ Thành Tr tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân; vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đức Phú, huyện Tánh Linh vào năm 2017. Tuy vắng mặt tại phiên Tòa nhưng theo nội dung lời khai và ý kiến đã trình bày có trong hồ sơ, tại các bút lục số 09, 27 và 28; chị T vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh Trung. Bởi vì sau khi kết hôn, chị T và anh Tr chỉ chung sống hạnh phúc được thời gian đầu; sau đó vợ chồng thường nảy sinh mâu thuẫn do bất Đ quan điểm; giữa vợ chồng không có sự quan tâm, yêu thương nhau, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng. Chị T hiện nay không còn tình cảm gì với anh Trung, vợ chồng đã không chung sống với nhau từ khoảng tháng 4/2020 đến nay nên chị T không mong muốn vợ chồng đoàn tụ chung sống mà cương quyết ly hôn. Điều này phù hợp với kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị Tươi, anh Tr tại địa phương. Trong khi đó, quá trình thu thập chứng cứ, Tòa án đã thông báo cho anh Tr biết việc chị T làm đơn yêu cầu ly hôn nhưng anh Tr không hợp tác, không thực hiện quyền cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên Tòa án không thể tiến hành hoà giải đoàn tụ được mà phải đưa vụ án ra xét xử công khai. Từ những nhận định trên, Hội Đ xét xử thấy tình trạng hôn nhân của chị T và anh Tr đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị T được ly hôn với anh Tr là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] *Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*: Trong thời gian chung sống, chị Trần Thị Minh T và anh Đỗ Thành Tr có hai người con chung tên là Đỗ Hồng N, sinh năm 2014 và Đỗ Thanh T, sinh năm 2017. Hiện nay cả hai người con chung đều đang ở với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai người con chung và yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.500.000 đồng/tháng/người con cho đến khi

hai người con chung thành niên. Hội Đ xét xử nhận thấy hiện tại cháu Ngân và cháu Trúc đang có cuộc sống ổn định với chị Tươi, được cho học hành và chăm sóc đầy đủ nên cần giao hai người con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Chị T tuy có công việc, thu nhập ổn định từ nghề may gia công nhưng về lâu dài sẽ không đảm bảo việc nuôi con vì hai người con chung đều đã đi học, nhu cầu thiết yếu cho sinh hoạt hàng ngày sẽ tăng cao hơn trước. Do đó, khi giao con chung cho chị T nuôi dưỡng thì cần buộc anh Tr phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị T số tiền 1.500.000 đồng/tháng/người con cho đến khi cháu Ng và cháu T thành niên là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 110 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[5]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Trần Thị Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội Đ xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. *Về án phí*: Buộc chị Trần Thị Minh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và anh Đỗ Thành Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH XIV, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7]. *Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh*: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh đề nghị Hội Đ xét xử xem xét chấp nhận cho chị Trần Thị Minh T được ly hôn với anh Đỗ Thành Tr. Đề nghị giao hai người con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và buộc anh Tr phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Tươi. Buộc chị T phải nộp 300.000 Đ án phí ly hôn sơ thẩm và anh Tr nộp 300.000 Đ án phí dân sự sơ thẩm. Xét thấy ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH XIV, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị Minh T được ly hôn với anh Đỗ Thành Tr.
- *Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*:

Giao cho chị Trần Thị Minh T được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai người con chung tên là Đỗ Hồng N, sinh năm 2014 và Đỗ Thanh Tr, sinh năm 2017. Anh Đỗ Thành Tr phải cấp dưỡng nuôi con cho chị T số tiền 1.500.000 đồng/tháng/người con cho đến khi cháu N và cháu Tr thành niên. Anh Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày 13/01/2021 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí:

Buộc chị Trần Thị Minh T phải chịu 300.000Đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ đã nộp theo biên lai số 0004260, ngày 01/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tánh Linh. Chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Buộc anh Đỗ Thành Tr phải chịu 300.000Đ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai. Các đương sự vắng mặt tại phiên Tòa đều được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- C.C Thi hành án;
- UBND xã Đức Phú (thay TB);
- Lưu VP, án văn, HSVA.

**TM. HỘI Đ XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hạ Hải Hồ